

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VĨNH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/6/2021.

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vũ Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Ông Triệu Khánh L.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Văn Phân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 331/2020/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị N, sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà X, ấp X M, xã H Đ, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn K, sinh năm 1984; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà X, ấp X M, xã H Đ, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2020, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày:*

Năm 2009, chị Võ Thị N kết hôn với anh Trần Văn K và được UBND xã H T, huyện H H, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/01/2009. Trong thời gian chung sống chị N và anh K có 02 đứa con chung tên: Trần Văn H (nam), sinh ngày 12/9/2010 và Trần Văn L (nam) sinh ngày 30/3/2013. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù ở chung nhà nhưng tình cảm vợ chồng không còn và cuộc sống chung của vợ chồng không đem lại hạnh phúc. Nhận thấy, hạnh phúc gia đình tan vỡ không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng không còn yêu thương nhau. Nay chị Võ Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Võ Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Văn K.

- *Về con chung*: Đối với 02 đứa con tên Trần Văn H (nam), sinh ngày 12/9/2010 và Trần Văn L (nam) sinh ngày 30/3/2013 đang sống chung với chị N, chị N xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Trần Văn K phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Võ Thị N trình bày là tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Võ Thị N trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn K trình bày:*

Anh Trần Văn K thống nhất với ý kiến trình bày của chị Võ Thị N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, anh Trần Văn K cho rằng vẫn còn thương yêu vợ con và không đồng ý ly hôn. Nếu chị N cương quyết ly hôn thì anh K xin nuôi dưỡng một đứa con chung, về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:*

\* *Về pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng pháp luật về tố tụng; Nguyên đơn chị Võ Thị N chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án; Đối với bị đơn anh Trần Văn K chưa chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án tại các phiên họp và hòa giải.

*Về pháp luật nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị N được ly hôn với anh Trần Văn K.

+ Về con chung: Giao các cháu Trần Văn H (nam), sinh ngày 12/9/2010 và Trần Văn L (nam) sinh ngày 30/3/2013 cho chị Võ Thị N tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu tại các biên bản ghi lời khai ngày 25/3/2021 (BL 24-25). Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Thị N không yêu cầu anh Trần Văn K cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị N và anh Trần Văn K trình bày là tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về pháp luật tố tụng:**

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh Trần Văn K biết là chị Võ Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh K theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án đã tiến hành thông báo để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh Trần Văn K vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho anh K biết.

#### **Về pháp luật nội dung:**

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị N với anh Trần Văn K được xác lập vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị N với anh Trần Văn K là hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do trong thời gian sống chung với nhau chị N và anh K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng hơn. Tại phiên tòa, chị Võ Thị N kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Văn K. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị N với anh Trần Văn K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Do đó, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Võ Thị N được ly hôn với anh Trần Văn K.

[2] *Về con chung*: Đối với các cháu Trần Văn H (nam), sinh ngày 12/9/2010 và Trần Văn L (nam) sinh ngày 30/3/2013 hiện nay do chị Võ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, chị Võ Thị N có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục các cháu trong môi trường lành mạnh, đảm bảo sự phát triển của con tốt về thể chất cũng như tinh thần. Đồng thời, cũng phù hợp với nguyện vọng của các con (BL 24-25). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao các cháu Trần Văn H (nam), sinh ngày 12/9/2010 và Trần Văn L (nam) sinh ngày 30/3/2013 cho chị Võ Thị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Thị N không yêu cầu anh Trần Văn K phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, anh Trần Văn K xin được nuôi dưỡng một đứa con chung. Xét thấy, tại biên bản ghi lời khai ngày 25/3/2021 các cháu Trần Văn H và Trần Văn L đều có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ. Do đó, việc anh Trần Văn K xin được nuôi một đứa con chung là không phù hợp với nguyện vọng của các con, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn K xin được quyền nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Võ Thị N và anh Trần Văn K trình bày là tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị Võ Thị N và anh Trần Văn K trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Võ Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58; 81; 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị N được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn K.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Văn H (nam), sinh ngày 12/9/2010 và cháu Trần Văn L (nam) sinh ngày 30/3/2013 cho chị Võ Thị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Thị N không yêu cầu anh Trần Văn K phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian chị Võ Thị N nuôi con, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha, mẹ đối với con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị N và anh Trần Văn K trình bày là tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Võ Thị N và anh Trần Văn K trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị N phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số: 0006451 ngày 30/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Chị Võ Thị N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

*Nơi nhận:*

- VKSND TXVC;
- THADS TXVC;
- Phòng KTNV&THA TAND Tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã H T, huyện H H, tỉnh Nam Định.
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Vũ Phương**